

TOÀ ÁN CHÂU ÂU VÀ VAI TRÒ THÚC ĐẨY TIẾN TRÌNH HÌNH THÀNH “LIÊN BANG” CHÂU ÂU

HOÀNG VĂN ANH

Viện Khoa học chính trị

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Liên minh Châu Âu - EU là một tổ chức đặc thù, vừa mang tính cách của một quốc gia, vừa mang tính cách của một liên minh¹. Đặc tính đó ảnh hưởng trực tiếp tới cơ cấu tổ chức cũng như vai trò chức năng của các thiết chế cơ bản trong Liên minh. Toà án Châu Âu (European Court of Justice) không nằm ngoài sự ảnh hưởng này, vì vậy nó không hoàn toàn giống mô hình toà án quốc tế hay quốc gia nào trên thế giới mặc dù vẫn có những đặc trưng cơ bản của một toà án. Nhìn ở góc độ thật khái quát, Toà án Châu Âu có chức năng tương tự Tối cao pháp viện Hoa Kỳ nếu xem EU với tính cách là một liên bang. Điều đặc biệt là trong khi EU vẫn đang chậm chạp trên con đường thống nhất trở thành liên bang thì Toà án Châu Âu đã có những bước tiến rất dài trong việc tạo lập vai trò của một toà án “tối cao” và thúc đẩy mạnh mẽ quá trình hình thành “Liên bang Châu Âu”.

Cơ sở pháp lý của Toà án Châu Âu hay hệ thống luật pháp của EU

Cơ sở pháp lý cho tổ chức hoạt động cũng như thẩm quyền của Toà án Châu Âu là hệ thống luật pháp trong Liên minh Châu Âu – EU. Hệ thống này có những đặc thù nhất định, không giống hệ thống luật pháp của một quốc gia cũng không giống hệ thống pháp luật quốc tế. Nó được hình thành từ những nguồn luật chính sau:

Thứ nhất, hệ thống bao gồm một loạt những văn kiện pháp lý cơ bản giữa các chính phủ của các quốc gia thành viên EU. Chúng bao gồm Hiệp ước Pari, Hiệp ước Rome, Hiệp ước Merger, Đạo luật Châu Âu đơn nhất, Hiệp ước về Liên minh Châu Âu (Maastrich), Hiệp ước cải cách Hiệp ước Liên minh Châu Âu (Amsteddam), 4 hiệp ước gia nhập, 2 hiệp ước ngân sách và rất nhiều hiệp định cải cách thể chế cơ bản của EU.

Thứ hai, hệ thống bao gồm những văn bản pháp lý trong lĩnh vực lập pháp và hành pháp của Nghị viện Châu Âu, Hội đồng Châu Âu và Ủy ban Châu Âu. Những đạo luật này được xây dựng và xuất phát từ những quy

¹ Xem bài “*Bản chất và cơ chế hoạt động của hệ thống chính trị Liên minh Châu Âu EU*”, Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, số 5, 2003.

định trong những hiệp ước nói trên. Điều 249 (EX 189) của Hiệp ước Liên minh Châu Âu chia ra 5 loại đạo luật: 1. Các quy định (regulation): Được áp dụng chung ở cấp liên minh và quốc gia, có hiệu lực trực tiếp đối với mỗi quốc gia thành viên; 2. Các chỉ thị (directive): Được áp dụng đối với một số quốc gia thành viên. Các quốc gia này phải chuyển hoá những nội dung của các chỉ thị này vào luật pháp của mình; 3. Các quyết định (decision): Các quyết định này nhằm vào các quốc gia thành viên hoặc các công dân hoặc pháp nhân (ví dụ các hãng) và có hiệu lực bắt buộc; 4. Các kiến nghị (recommendation); 5. Các quan điểm (opinion): Các quan điểm này có thể hướng vào bất kỳ quốc gia thành viên hoặc công dân nào, tuy nhiên chúng không có hiệu lực bắt buộc.

Bên cạnh những nguồn văn bản luật chính thức nói trên, hệ thống luật pháp của EU còn có một nguồn không được quy định chính thức, đó là “những nguyên tắc cơ bản của luật”. Như mọi hệ thống luật pháp khác, các hiệp ước cũng như các đạo luật cơ bản không thể giải quyết được mọi vấn đề luật pháp. Tuy nhiên, điều 220 (EX 164) của Hiệp ước EU đã hướng dẫn rằng Toà án Châu Âu đảm bảo “luật pháp phải được kiểm soát”. Và điều này được Toà án Châu Âu giải thích rằng: Khi áp dụng những đạo luật cơ bản, nó có thể áp dụng những nguyên tắc pháp lý cơ bản xuất phát từ nguyên tắc cơ bản của EU (Như được thể hiện ở những điều khoản khác của Hiệp ước, chẳng hạn như Lời mở đầu) và từ hiến pháp của các quốc gia

thành viên. Theo nguyên lý này có 4 loại nguyên tắc cơ bản:

- *Những nguyên tắc pháp lý cơ bản của hành pháp và lập pháp*: Chúng được rút ra từ truyền thống pháp lý của nhiều quốc gia khác nhau, ví dụ “tính chắc chắn của pháp luật” (nghĩa là luật pháp không thể áp dụng một cách ngược lại, những người tham gia tranh tụng có quyền đạt được mong đợi hợp pháp và chính đáng từ những hoạt động của EU), “tính cân đối” (nghĩa là các biện pháp để đạt tới mục đích phải phù hợp), và “bình đẳng về thủ tục” (nghĩa là ai cũng bình đẳng về quyền và nghĩa vụ khi tham gia các hoạt động tranh tụng).

- *Nguyên tắc tự do kinh tế*: Điều này được rút ra từ Hiệp ước EU. Nó bao gồm tự do luân chuyển hàng hoá, dịch vụ, vốn và con người; Tự do thương mại; Tự do cạnh tranh.

- *Nguyên tắc bảo vệ những quyền cơ bản của con người*: Điều này không phải rút ra từ Hiệp ước EU nhưng được đặt ra trong tất cả các hiến pháp của các quốc gia thành viên và trong Công ước Châu Âu về quyền con người của Hội đồng Châu Âu.

- *Nguyên tắc bảo vệ những quyền chính trị*: Nó được đưa ra trong “Tuyên ngôn” của các quốc gia thành viên và được đề cập đến trong Hiệp ước EU, ví dụ “sự rõ ràng” (quyền truy nhập thông tin) và “sự phụ thuộc” (EU chỉ có thể thực hiện các chính sách không nằm trong các hiệp ước nếu mục tiêu các chính sách không thể đạt được một cách đầy đủ ở cấp quốc gia).

Thẩm quyền của Tòa án Châu Âu

Căn cứ vào những quy định trong hệ thống pháp luật của EU mà cụ thể là những quy định trong Hiệp ước Liên minh Châu Âu EU, Tòa án Châu Âu có thẩm quyền trong 3 lĩnh vực chính:

Thứ nhất, Tòa án Châu Âu có thể xem xét các “hoạt động chống lại các quốc gia thành viên” để đảm bảo rằng họ thực hiện các nghĩa vụ theo Hiệp ước EU và tuân theo luật pháp của EU. Những hoạt động này có thể được đưa ra bởi Ủy ban Châu Âu theo quy định bởi điều 226 (EX 169) hoặc bởi một nước thành viên theo quy định của điều 227 (EX 170), hoặc trong khu vực viện trợ cho quốc gia của Ủy ban Châu Âu hoặc một quốc gia thành viên theo quy định của điều 88 (EX 93). Điều 228 (EX 171) cũng nhấn mạnh rằng, các quốc gia thành viên có liên quan “sẽ có thể bị yêu cầu thực hiện một số biện pháp cần thiết để tuân thủ phán xét của Tòa án Châu Âu”. Khả năng cưỡng chế thực hiện của Tòa án Châu Âu đối với các quốc gia thành viên vẫn bị giới hạn. Cho đến trước Hiệp ước Maastricht, Ủy ban Châu Âu chỉ có thể đưa ra những phán xét đối với các quốc gia làm cho các quốc gia cảm thấy xấu hổ mà thực hiện. Tuy nhiên, Hiệp ước Maastricht đã cho phép Tòa án Châu Âu có thể đặt ra những trừng phạt tài chính đối với các quốc gia thành viên nếu Ủy ban còn đưa thêm một vụ kiện tụng nữa về việc không tuân thủ những phán xét của Tòa án Châu Âu.

Thứ hai, giống như nhiều tòa án hiến pháp của các quốc gia khác, Tòa án Châu Âu có thẩm quyền phán xét về tính hợp pháp của

các đạo luật và những quy định pháp luật của EU. Theo điều 230 (EX 173), Tòa án Châu Âu có quyền rà soát lại tính hợp pháp của các đạo luật (ngoài những kiến nghị và ý kiến) được thông qua bởi Hội đồng Châu Âu, Nghị viện Châu Âu, Ủy ban Châu Âu và Ngân hàng Trung ương Châu Âu. Theo quy định tại điều này, bất kỳ quốc gia thành viên nào, hội đồng hoặc Ủy ban đều có thể khởi kiện tới Tòa án Châu Âu theo điều khoản này trên cơ sở thiếu thẩm quyền, hoặc có sự vi phạm hiệp ước hoặc các thủ tục. Trong khi đó, Nghị viện Châu Âu, Tòa Kiểm toán và Ngân hàng Trung ương Châu Âu chỉ có thể đưa ra những vụ kiện để bảo vệ những đặc quyền của mình. Cuối cùng, những cá nhân công dân có thể khởi kiện chống lại những quyết định do các cơ quan của EU đưa ra có liên quan trực tiếp tới họ. Một góc độ khác nữa của Tòa án Châu Âu là thẩm quyền giải quyết những vụ việc chống lại các cơ quan của EU khi những cơ quan này không thực hiện đúng những quy định của Hiệp ước EU hay các quy định khác (chẳng hạn sự uỷ quyền cho Hội đồng Châu Âu) theo quy định của điều 232 (EX 175). Những vụ việc này có thể do bất kỳ quốc gia thành viên hoặc một cơ quan nào của EU đưa ra.

Thứ ba, theo quy định điều 234 (EX 177), Tòa án Châu Âu có thẩm quyền để đưa ra những chỉ đạo sơ bộ đối với những tham khảo của các tòa án quốc gia. Theo thủ tục này, các tòa án quốc gia có thể yêu cầu Tòa án Châu Âu đưa ra một phán xét đối với bất kỳ vụ việc nào được đưa đến tòa án quốc gia có liên quan đến bất kỳ khía cạnh nào của của luật pháp EU. và sự chỉ đạo của Tòa án

Châu Âu sau đó được các toà án quốc gia sử dụng trong phán xét của họ đối với những vụ việc đó. Về bề ngoài có thể nói rằng, các toà án quốc gia có thể đưa ra phán xét cuối cùng đối với những vụ việc liên quan đến luật pháp EU, đó có lẽ cũng là mục đích của những người dự thảo Hiệp ước Rome. Tuy nhiên, trên thực tế thẩm quyền phán xét của Toà án Châu Âu theo quy định của điều khoản này còn có ý nghĩa hơn nhiều đối với việc phát triển luật pháp EU và hiến pháp hoá toàn bộ hệ thống EU hơn là sự phán xét của Toà án Châu Âu trong bất kỳ lĩnh vực nào. Mặt khác, nó thể hiện sự thâm nhập sâu sắc của luật pháp EU vào trong hệ thống pháp lý của quốc gia. Bên cạnh đó, việc cho phép các toà án quốc gia cưỡng chế các phán xét của Toà án Châu Âu, thủ tục tham khảo ban đầu này có tác dụng làm cho các toà án quốc gia trở thành một hạng bậc thấp hơn trong hệ thống toà án của EU và Toà án Châu Âu gần như trở thành toà án tối cao trong hệ thống này.

Ngoài ra, Toà án Châu Âu có thẩm quyền phán xét trong rất nhiều các lĩnh vực khác, trong đó có một số ít các vụ xảy ra hàng năm. Chúng bao gồm: Các vụ việc gây thiệt hại đối với các tổ chức của EU của quốc gia thành viên hoặc một cá nhân (theo điều khoản 235 - EX 178); Những tranh chấp tuyển dụng giữa EU và các nhân viên của các tổ chức khác nhau của EU (theo quy định của điều 236 - EX 179).

Tổ chức hoạt động của Toà án Châu Âu

Toà án Châu Âu được các quốc gia thành viên thành lập tại Luxembourg (cần phân biệt với Toà án Nhân quyền Châu Âu ở

Strasbourg, toà án này do Hội đồng Châu Âu lập ra). Toà án Châu Âu có 15 thẩm phán, từ 15 nước thành viên và 9 luật sư. Điều 223 (EX 167) của Hiệp ước EU đưa cách thức chỉ định: “Các thẩm phán và luật sư được lựa chọn từ những người mà sự độc lập của họ không thể bị nghi ngờ và họ có đủ trình độ để có thể được chỉ định vào vị trí tư pháp cao nhất tại đất nước họ. Họ sẽ được bổ nhiệm bằng sự nhất trí chung của chính phủ các nước thành viên với nhiệm kỳ là 6 năm. Cứ 3 năm một lần một bộ phận thẩm phán được bổ nhiệm lại.”

Sự xen kẽ nhiệm kỳ của các thẩm phán nhằm đảm bảo sự liên tục của Toà án. Tuy nhiên những yếu tố khác của điều luật vẫn có điều gì đó chưa rõ ràng. Trên thực tế “sự nhất trí chung của các quốc gia thành viên” có nghĩa là mỗi quốc gia thành viên đề cử một thẩm phán, những người này sau đó được các quốc gia khác thông qua. Cũng bằng con đường truyền thống (bất thành văn), 5 quốc gia thành viên lớn nhất chỉ định một luật sư, 4 vị trí luật sư còn lại được phân chia luân phiên giữa những quốc gia bé. Ngay cả sự độc lập và trình độ của các thẩm phán cũng thỉnh thoảng được thoả hiệp. Có rất ít bằng chứng rõ ràng về sự bổ nhiệm mang tính “chính trị” trong Toà án Châu Âu. Điều này không giống Tối cao Pháp viện của Mỹ, mặc dù một vài quốc gia thành viên có xu hướng chỉ định “luật sư hàn lâm” thay vì các thẩm phán cao cấp đang làm việc trong hệ thống tư pháp của nước họ.

Về thủ tục, khi có một vụ việc đưa đến Toà án Châu Âu. Toà án sẽ đưa ra một trình tự:

- Một luật sư và một thẩm phán thư ký được chỉ định để thu thập thông tin liên quan đến vụ việc và tổ chức những điều tra và hướng dẫn bằng văn bản hoặc bằng miệng.

- Một buổi điều trần công cộng được tổ chức, tại đó các luật sư và các bên đưa ra các quan điểm bằng miệng, và cũng tại đó các thẩm phán và luật sư (của Tòa) đặt câu hỏi đối với luật sư bào chữa của các bên.

- Luật sư (của Tòa) được chỉ định nộp các báo cáo cho thẩm phán thư ký, vạch những vấn đề cơ bản liên quan tới luật pháp hiện tại của EU và dự kiến hướng giải quyết.

- Dựa trên những báo cáo của luật sư, thẩm phán thư ký trình bày quyết định sơ bộ đối với Tòa án.

- Mỗi thẩm phán sẽ đưa ra một ý kiến về quyết định, và quyết định cuối cùng là biểu quyết đa số giản đơn (một số lẻ thẩm phán luôn được đảm bảo, và một thẩm phán được bổ sung khi chỉ có 12 thẩm phán của 12 quốc gia thành viên).

Cần chú ý là có một trật tự nhất định trong việc biểu quyết: Những thẩm phán bình thường (theo quy định từ trước) sẽ biểu quyết trước và những thẩm phán cao cấp biểu quyết sau. Không giống Tối cao Pháp viện của Mỹ, không có điều khoản nào dành cho các thẩm phán có ý kiến thiểu số được lưu lại ý kiến về sự bất đồng quan điểm. Trên thực tế, các thẩm phán của Tòa án Châu Âu có lời thể giữ tuyệt đối bí mật nội dung các biểu quyết.

Do công việc của Tòa án Châu Âu tăng nhanh chóng (số lượng các vụ việc đưa đến

năm 1970 là 79, năm 1980: 279, năm 1990: 384), vì vậy Tòa án Giải quyết nhanh (Court of First Instance - CFI) được thành lập năm 1989. Tuy nhiên, Tòa án này cũng nhanh chóng bị quá tải. Tòa án Châu Âu buộc phải lập ra những thủ tục cho phép các vụ việc có thể được giải quyết trong “phòng” (chamber) của Tòa án thay vì một tòa án với đầy đủ hội đồng thẩm phán. Tòa án đã thành lập 4 “phòng” với 3 thẩm phán và 2 “phòng” với 7 thẩm phán để giải quyết những vụ việc như vậy. Tòa án cũng áp dụng cách làm của Mỹ là sử dụng “sổ ghi án”, ở đây có thể từ chối những vụ việc mà nó có thể được giải quyết ở tòa án quốc gia. Tuy nhiên, việc xét xử thông qua Tòa án Châu Âu là một quá trình kéo dài. Độ dài trung bình tính theo năm 1994 là 21 tháng đối với những bản án có hành động trực tiếp và 18 tháng đối với những trường hợp tham khảo quyết định sơ bộ. Rất nhiều ý kiến đóng góp nhằm thúc đẩy tốc độ của quá trình này, ví dụ, việc tạo ra những tòa án lưu động lấy từ mô hình của hệ thống tòa án Mỹ. Tuy nhiên bất kỳ một sự cải cách cơ bản nào cũng đòi hỏi phải sửa đổi Hiệp ước EU.

Vai trò của Tòa án Châu Âu trong việc thúc đẩy tiến trình hợp nhất trong Liên minh Châu Âu

Trong quá trình hoạt động của mình, Tòa án Châu Âu đã đóng góp vai trò quan trọng trong quá trình “hiến pháp hoá” hệ thống pháp luật của Liên minh Châu Âu. Nó dần dần vận hành hệ thống pháp luật theo phong cách hệ thống pháp luật của một nhà nước liên bang. Điều đó được thể hiện qua

hoạt động áp dụng hệ thống pháp luật trong Liên minh dựa trên hai nguyên tắc: *có hiệu lực trực tiếp* và *có tính tối cao*. Đây chính là hai nguyên tắc căn bản nhất của một hệ thống pháp luật liên bang.

Nguyên tắc *có hiệu lực trực tiếp* thể hiện ở chỗ: Các cá nhân công dân có quyền theo quy định luật pháp của EU và quyền này phải được toà án các quốc gia thành viên thực hiện. Toà án Châu Âu lập luận rằng, cá nhân công dân có quyền viện dẫn đến luật pháp của EC vì “Cộng đồng đã có một hệ thống pháp luật mới, và chủ thể của nó không chỉ là các quốc gia thành viên mà cả công dân của họ”(Vụ 26/62 Van Gend en Loos kháng Nederlandse Administratie der Belastingen ECR I – một công ty tư nhân đã viện dẫn pháp luật EC để chống lại Luật Hải quan của Đức). Tuy nhiên yếu tố có hiệu lực trực tiếp này khác nhau tùy thuộc vào từng quy định hoặc chỉ thị. Các quy định có hiệu lực trực tiếp theo chiều ngang, nghĩa là các công dân có thể bảo vệ quyền lợi của mình chống lại cả quốc gia lẫn cá nhân hoặc pháp nhân khác. Trong khi đó, các chỉ thị có ảnh hưởng theo chiều dọc, nghĩa là nội dung của nó trước hết cần phải được luật pháp của các quốc gia thành viên truyền tải thì mới có hiệu lực. Để khắc phục yếu điểm này, Toà án Châu Âu đã hình thành lý thuyết về “trách nhiệm pháp lý của quốc gia”. Lý thuyết này ngụ ý rằng, các quốc gia phải có trách nhiệm đối với mọi vi phạm các chỉ thị của EU. Như vụ C-6,9/90 Francovich I, 1991 ECR I –5357 – một công ty của Italia rơi vào tình trạng nợ nần và không trả đầy đủ tiền lương cho nhân

viên. Toà án Châu Âu đòi Italia phải thanh toán các hoá đơn vì đã không thực hiện theo chỉ thị 80/987 một cách đầy đủ. Chỉ thị này đòi hỏi phải thành lập những quỹ bảo đảm bồi thường. Những phán xét của Toà án Châu Âu đã chứng tỏ hệ thống pháp luật của Liên minh Châu Âu mà nó vận dụng giống với luật pháp quốc gia hơn là luật pháp quốc tế. Trong luật pháp quốc tế, nếu quốc gia không thực hiện nghĩa vụ của mình thì các công dân của họ không thể viện dẫn các hiệp ước trong toà án của quốc gia. Điều này làm cho số lượng các vụ việc của cá nhân liên quan đến Luật của EU đưa đến Toà án tăng lên đáng kể. Kết quả của nó, như Weiler nhận xét: “các cá nhân, ... trở thành “người lính gác” cho sự thống nhất pháp lý trong luật pháp của cộng đồng trong châu Âu, tương tự như cách mà cá nhân ở Mỹ đóng vai trò chủ đạo trong việc đảm bảo Đạo luật về Quyền và những Luật pháp Liên bang khác”².

Về *tính hiệu lực tối cao* của các đạo luật: Mặc dù trong các hiệp ước của Liên minh EU không hề có từ nào nhắc đến “tính tối cao” của Luật pháp EU khi có sự mâu thuẫn với luật pháp quốc gia, nhưng trên thực tế Luật pháp EU vẫn được áp dụng với tư cách là những quy định có hiệu lực tối cao. Toà án Châu Âu lập luận rằng, một khi các quốc gia đã thành lập một cộng đồng không giới hạn về thời gian, có những bộ máy riêng, có nhân sự riêng và có năng lực pháp lý riêng... thì có nghĩa rằng các quốc gia đã tự giới hạn chủ

² Weiler, J.H.H. 1991, The transformation of Europe, Yale Law Journal, vol. 100, p. 2414

quyền của họ... và họ phải xây dựng một hệ thống pháp luật ràng buộc từ bản thân quốc gia đến từng thành viên của nó. Việc tích hợp vào trong các đạo luật của mỗi quốc gia thành viên những quy định của cộng đồng, mặc dù chỉ là trong những “lĩnh vực nhất định” ... làm cho các quốc gia đương nhiên không thể có quyền thực hiện những biện pháp đơn phương vượt qua một hệ thống pháp lý đã được thoả thuận trên cơ sở song phương³.

Trên nguyên tắc, tính tối cao của luật pháp chỉ xuất hiện trong những lĩnh vực có luật pháp của EU. Tuy nhiên thẩm quyền của EU trên thực tế đã mở rộng tới hầu hết các lĩnh vực chính sách công cộng và việc áp dụng tính hiệu lực tối cao không còn chỉ được áp dụng trong những “lĩnh vực nhất định” như Toà án đã tuyên bố. Toà án đã thiết lập tính hiệu lực tối cao cho mọi quy định của EU (bất kể là quy định trong Hiệp ước của EU hay chỉ là những quy định của một cơ quan của EU...). Kết quả là hoạt động này đã làm cho luật pháp của EU ngày càng khác xa với luật pháp quốc tế. Hầu như nhận thức của các nhà lập pháp trong các nước thành viên đã bị ràng buộc bởi những quy định trong Luật pháp EU. Weiler nhận định: “Kiểu trật tự có tính hiến pháp như vậy ... chỉ có thể tìm thấy duy nhất trong mô hình liên bang”⁴.

Có thể kết luận rằng, với việc hình thành và vận dụng hai nguyên tắc về tính hiệu lực trực tiếp và tính hiệu lực tối cao của hệ thống luật pháp EU, Toà án Châu Âu đã đóng vai trò đáng kể trong việc chuyển biến EU thành một bộ máy có tính chất pháp lý gần như liên bang.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Newsletters, European studies programme Vietnam, Thể chế Liên minh Châu Âu.
2. Phan Đức Thọ, *Bản chất và cơ chế hoạt động của hệ thống chính trị Liên minh Châu Âu EU*, Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, số 5, 2003.
3. Weiler, J.H.H, 1991, *The transformation of Europe*, Yale Law Journal, vol. 100.
4. Weiler, J.H.H, 1995, *Does Europe need a Constitution? Reflections on Demos, Telos and German Maastricht Decision*, European Law Journal, vol. 1, no 3.
5. http://europa.eu.int/cj/en/instit/presentationfr/index_cje.htm.
6. <http://european-convention.eu.int/docs/Treaty/cv00850.en03.pdf>.
7. <http://europa.eu.int/cj/en/instit/txtdocfr/txtsenvigueur/tr.htm>.
8. <http://www.hausarbeiten.de/rd/faecher/hausarbeit/juj/10313.html>.
9. http://europa.eu.int/eur-lex/en/treaties/dat/C_2002325EN.016701.html.
Protocol on the Statute of the Court of Justice.

³ lập luận trong vụ Costa chống ENEL, 6/64 ECR 585. 1964 – vụ này luật pháp của Italia mâu thuẫn với luật pháp EC.

⁴ Weiler, J.H.H, 1991, *The transformation of Europe*, Yale Law Journal, vol. 100, p. 2.415.